

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1190/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 278/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Nguyên E**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Tô Quý Th**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị Nguyên E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Tô Quý Th vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 5 năm 2020, bản tự khai ngày 01 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyên E trình bày:

Bà và ông Tô Quý Th bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

20, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/7/2003. Thời gian đầu, bà và ông Th chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2007 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng bà có quan hệ tình cảm không trong sáng với người phụ nữ khác, chơi đá gà gây nợ nần, không chia sẻ công việc gia đình với bà, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Bà cũng đã nhiều lần khuyên răn nhưng chồng bà vẫn chứng nào tật đó, không thay đổi. Đến nay xét thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Tô Tú T, sinh ngày 02/11/2004 và Tô Vĩnh P, sinh ngày 25/6/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T và trẻ P; bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Tô Quý Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Nguyên E khởi kiện xin ly hôn với ông Tô Quý Th, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Tô Quý Th có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyên E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Tô Quý Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà E và ông Th theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nguyên E và ông Tô Quý Th có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161/KH/2003, quyền số: 01/2003, đăng ký ngày 09/7/2003 tại Ủy ban nhân dân phường 20, quận Tân Bình,

Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nguyên E và ông Tô Quý Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Nguyên E: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyên E xác nhận trong thời gian chung sống với ông Th, vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng bà có quan hệ tình cảm không trong sáng với người phụ nữ khác, chơi đá gà gây nợ nần, không chia sẻ công việc gia đình với bà, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

[5] Ông Tô Quý Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông Th đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông Th phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà E và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Công văn số 3172/UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung như sau: “...Hiện tại ông Tô Quý Th và bà Nguyễn Thị Nguyên E vẫn còn sống chung với nhau tại A3/7F ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Tình huống có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do ông Tô Quý Th thường ăn chơi ngoài xã hội, bỏ bê việc chăm sóc gia đình...”.

[7] Tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”

[8] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[9] Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống giữa bà E và ông Th có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đã kéo dài từ năm 2007, nguyên nhân do ông Th thường chơi cờ bạc, chơi đá gà mà không lo làm ăn lại gây nợ nần. Mặc dù vợ chồng vẫn còn ở chung nhà nhưng ông Th không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, không chia sẻ công việc gia đình với bà E. Mặt khác, do ông Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông Th vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông Th không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc cho bà E định đoạt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà E và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân đạt được cho nên cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, bà E yêu cầu ly hôn với ông Th là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung: Bà E xác nhận bà và ông Th có 02 (hai) con chung tên Tô Tú T, sinh ngày 02/11/2004 và Tô Vĩnh P, sinh ngày 25/6/2007. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trinh và trẻ Phú; bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

[11] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[14] Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Tô Tú Trinh và bản tự khai của trẻ Tô Vĩnh Phú ghi nhận ý kiến nếu ba mẹ ly hôn thì hai trẻ đều có nguyện vọng sống cùng bà E. Do ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, từ bỏ quyền chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà E, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Tô Tú Trinh và trẻ Tô Vĩnh Phú cho bà E chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[15] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà E về việc bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[12] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị Nguyên E xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nguyên E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nguyên E về việc yêu cầu ly hôn với ông Tô Quý Th.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nguyên E được ly hôn với ông Tô Quý Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 161/KH/2003, quyển số: 01/2003, đăng ký ngày 09/7/2003 tại Ủy ban nhân dân phường 20, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nguyên E và ông Tô Quý Th có 02 (hai) con chung tên Tô Tú T, sinh ngày 02/11/2004 và Tô Vĩnh P, sinh ngày 25/6/2007.

Giao trẻ Tô Tú T và trẻ Tô Vĩnh P cho bà Nguyễn Thị Nguyên E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tô Quý Th.

Ông Tô Quý Th được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nguyên E xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Nguyên E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Nguyên E đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079381 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Nguyên E đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nguyên E và ông Tô Quý Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- UBND phường 20, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền